

Tân Bình, ngày 08 tháng 02 năm 2022

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Địa chỉ tạm trú: 149/71/8 N, phường U, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Quốc B và bà Giang Thị Q cùng có đơn yêu cầu công nhân thuần tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại

khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Quốc B và bà Giang Thị Q có địa chỉ cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 16/02/2005 thì ông Nguyễn Quốc B và bà Giang Thị Q là vợ chồng hợp pháp. Nay cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông B và bà Q sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau, mâu thuẫn trong việc chăm sóc và nuôi dạy con chung nên đời sống gia đình ngày càng thêm ngột ngạt, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Q và ông B đã nhiều lần hàn gắn, hòa giải nhưng vẫn không đạt được hạnh phúc. Nay, ông B và bà Q đều xác định tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa án công nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 28/2/2010 và Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 7/10/2014. Ly hôn, cả hai thỏa thuận bà Q trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc B1, ông B trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bảo T. Bà Q cấp dưỡng nuôi trẻ Bảo T mỗi tháng 5.000.000 đồng và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi trẻ Ngọc B1.

[5] Về tài sản chung: Cả hai khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Nguyễn Quốc B và bà Giang Thị Q nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc B và bà Giang Thị Q thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc B1, sinh ngày 28/2/2010 cho bà Giang Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ N cho ông B do bà Giang Thị Q chưa có yêu cầu.

Giao trẻ Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 7/10/2014 cho ông Nguyễn Quốc B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Q cấp dưỡng nuôi trẻ Bảo T mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 02/2022 cho đến khi trẻ Nguyễn Thị Bảo T đủ 18 tuổi.

Trường hợp bà Giang Thị Q chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bà Q còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng gia đình các bên không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Q và ông B nộp nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng do bà Q và ông B đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0030900 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên
(để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy
chứng nhận kết hôn 05, quyển số
01/2005, ngày 16/2/2005);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Hồng Út